

TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN KINH TẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP

■ GS.TSKH. VŨ HUY TỪ

1. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA TẬP ĐOÀN KINH TẾ

Tập đoàn kinh tế (tập đoàn kinh doanh, gọi tắt là tập đoàn) là một cơ cấu tổ chức có quy mô lớn do nhiều công ty có tính chất sở hữu và kinh doanh đa dạng liên kết lại nhằm tăng cường khả năng tích tụ, tập trung các nguồn lực như vốn, lao động, công nghệ, thương hiệu... để hoạt động kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Các tập đoàn thường có những đặc điểm chủ yếu: Trình độ tích tụ và tập trung cao, quy mô về vốn thường rất lớn. Hoạt động trong nhiều ngành và lĩnh vực khác nhau nhưng có ngành chủ đạo và lĩnh vực đầu tư mũi nhọn. Đa dạng về hình thức sở hữu, cơ cấu tổ chức và tính pháp lý, thường là sở hữu hỗn hợp với nhiều thành phần kinh tế. Thường dùng tài chính để kiểm soát và chi phối các công ty thành viên thông qua công ty mẹ hay công ty tài chính trong trường hợp không có công ty mẹ. Thường tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con, toàn tập đoàn không có tư cách pháp nhân. Việc chi phối của công ty mẹ với các công ty con không thông qua

các quyết định hành chính. Công ty mẹ cũng là một pháp nhân, bình đẳng với các công ty con theo pháp luật. Trường hợp không tổ chức theo mô hình mẹ - con thì toàn tập đoàn có bộ máy quản lý và điều hành chung. Tập đoàn có tư cách pháp nhân, các đơn vị thành viên có thể hạch toán độc lập hoặc hạch toán nội bộ, có công ty tài chính. Nguyên tắc quan trọng nhất của sự hình thành tập đoàn là sự liên kết tự nguyện. Có thể là liên kết cứng - ràng buộc về vốn và công nghệ. Có thể là liên kết mềm thông qua thỏa thuận về sử dụng thương hiệu và khai thác thị trường.

Các tập đoàn kinh tế đã và đang giữ vai trò rất lớn trong đời sống kinh tế nội bộ tập đoàn của mỗi quốc gia và trên toàn cầu.

Với nội bộ tập đoàn: Sự hình thành và phát triển của tập đoàn làm tăng khả năng kinh tế của cả tập đoàn và các công ty thành viên.

Với thị trường trong nước: Các tập đoàn giữ vị trí đặc biệt quan trọng, chi phối nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Hiệu quả hoạt động từ các tập đoàn là nguồn thu tài chính lớn nhất cho ngân sách nhà nước, làm thay đổi bộ mặt xã hội cho từng địa phương hay trong một quốc

gia, giải quyết việc làm cho một phần dân cư tại các khu vực. Đối với các nền kinh tế mới phát triển, các tập đoàn là công cụ hữu hiệu để chống sự thâm nhập một cách ồ ạt của các công ty khổng lồ trên thế giới, giúp cho sản xuất trong nước có thể đứng vững và từng bước vươn ra được thị trường các nước.

Đối với thị trường thế giới: Các tập đoàn có vai trò chi phối ngày càng lớn không chỉ đối với quốc gia mà còn đối với cả nền kinh tế quốc tế. Thí dụ: hai tập đoàn Coca Cola và Pepsi chiếm 75% thị phần đồ uống có ga toàn thế giới.

Tuy nhiên, các tập đoàn cũng có thể gây những rủi ro cho nền kinh tế do sự tăng tính độc quyền của các tập đoàn, cũng có thể trở thành gánh nặng nếu các chiến lược phát triển của tập đoàn thường xuyên gắn chặt vào những biện pháp ưu đãi của nhà nước.

2. HIỆN TRẠNG CÁC TỔNG CÔNG TY VÀ TẬP ĐOÀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

- Sự hình thành và tác động của các tổng công ty.

Ở nước ta, chủ trương mô hình tập đoàn kinh tế xuất hiện từ những năm 90 của thế kỷ trước. Đến cuối tháng 2/2000, các liên hiệp xí

ng nghiệp được tổ chức lại, thành lập 18 tổng công ty 91 và 79 tổng công ty 90 với 1.392 DN thành viên hạch toán độc lập, chiếm 24% tổng số DN cả nước, nắm giữ 66% về vốn, 61% về lao động. Riêng 17 tổng công ty 91 có 532 DN thành viên, chiếm 9% số lượng DN, 56% tổng vốn kinh doanh và 35% số lao động.

Sau khi thành lập, nhiều tổng công ty trở thành lực lượng quan trọng cung cấp các loại hàng hóa thiết yếu như điện, than, dầu khí, xi-măng, thép... bảo đảm cân đối các hàng hóa, vật tư chiến lược, cân đối ngoại tệ, góp phần bình ổn giá cả và duy trì sự phát triển ổn định của nền kinh tế; là nguồn đóng góp quan trọng cho ngân sách, ổn định việc làm cho hàng triệu người, nâng cao đời sống người lao động và tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

Bên cạnh đó, các tổng công ty lộ dần những hạn chế nhất định như: quy mô quá nhỏ bé; chỉ 13% số tổng công ty 90 có vốn hơn 500 tỷ đồng; 35% có vốn dưới 100 tỷ đồng, phần lớn có vốn dưới 50 tỷ đồng. Các tổng công ty 91 quy mô có khá hơn song cũng còn rất khiêm tốn. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổng công ty vẫn chưa tương xứng với mức đầu tư và những ưu đãi của nhà nước dành cho.

Nhiều tổng công ty được đặc quyền kinh doanh thường đưa ra mức giá không phù hợp với quy luật thị trường

nhưng người tiêu dùng buộc phải chấp nhận. Vai trò của tổng công ty đối với quản lý và hoạt động của các công ty thành viên rất mờ nhạt.

Về mặt quản lý của nhà nước với tổng công ty, giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên vẫn nặng về phương thức hành chính. Do vậy, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh thấp, có xu hướng giảm sút trong những năm gần đây.

- Bước chuyển từ tổng công ty sang tập đoàn.

Đến nay đã thành lập 7 tập đoàn: Bưu chính Viễn thông, Than và Khoáng sản, Điện lực, Công nghiệp tàu biển, Dầu khí, Dệt may Việt Nam và Bảo hiểm Việt Nam.

Những điểm mới của tập đoàn so với mô hình tổng công ty trước đây bước đầu thể hiện ở các nội dung sở hữu, cơ cấu vốn, và quản lý. Thứ nhất, tập đoàn là một tổ hợp kinh tế gồm các thành viên hạch toán độc lập, đa sở hữu trong đó sở hữu nhà nước là chủ đạo. Cơ chế liên kết giữa các thành viên đã chuyển từ cơ chế cấp vốn sang đầu tư vốn theo mô hình công ty mẹ - công ty con hoặc công ty tài chính. Thứ hai, tập đoàn phân biệt rõ ràng cấu trúc sở hữu và các loại hình của từng đơn vị thành viên: DN 100% vốn nhà nước, DN cổ phần nhà nước nắm trên hoặc dưới 50% vốn điều lệ và các công ty liên kết dưới hình thức cổ phần, liên doanh... Thứ ba, tập đoàn có cơ cấu tổ chức hoạt động theo hướng gọn nhẹ hơn.

- Hạn chế từ tổng công ty sang tập đoàn kinh tế.

Trước hết là vấn đề vốn: Trong số tổng công ty 91 chỉ có 3 tổng công ty đạt trình độ tích tụ và tập trung vốn cao hơn là các tổng công ty Điện lực, Dầu khí và Bưu chính Viễn thông (chiếm gần 65% tổng vốn tự bổ sung của tất cả các tổng công ty 91). Các tổng công ty khác số vốn còn quá nhỏ so với yêu cầu tích tụ của một tập đoàn kinh tế. Việc khống chế tỷ lệ vốn nhà nước hạn chế rất lớn vấn đề huy động vốn, mở rộng quy mô và cải tiến cơ cấu ngành nghề kinh doanh của tập đoàn và mỗi công ty thành viên.

Trình độ đa dạng hóa và hợp tác kinh doanh của nhiều tập đoàn còn yếu, có khi còn dẫn đến xung đột về lợi ích giữa các thành viên.

Liên kết giữa các công ty thành viên chủ yếu vẫn bằng phương thức hành chính. Việc chi phối các đơn vị thành viên cũng mang tính hành chính, chưa dựa vào các quan hệ kinh tế theo quy luật thị trường. Hiếm có tập đoàn nào thể hiện được vai trò phân công sản xuất, tìm kiếm thị trường và điều phối tài chính giữa các thành viên. Không ít trường hợp có số công ty con không công nhận vai trò "làm mẹ" của công ty mẹ.

3. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN KINH TẾ.

Văn kiện Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ: "Thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng

một hệ thống DN Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần..." (tr.84). Luật Doanh nghiệp 2005 mới chỉ quy định rất sơ lược về tập đoàn kinh tế. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, căn cứ vào thực tiễn nước ta và kinh nghiệm của các nước, chúng tôi xin đề xuất một số vấn đề chủ yếu dưới đây về tổ chức tập đoàn kinh tế ở nước ta trong bối cảnh đất nước và thế giới hiện nay.

- Những quan điểm về tập đoàn kinh tế ở Việt Nam.

+ Thành lập tập đoàn phải nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn so với trước. Nguyên tắc hàng đầu là phải lấy hiệu quả kinh tế làm mục tiêu, lấy chất lượng hoạt động của các mô hình tổ chức để đánh giá.

+ Quan điểm (nguyên tắc) thứ hai là việc gia nhập tập đoàn của các đơn vị thành viên nhất là các doanh nghiệp ngoài nhà nước phải dựa trên cơ sở tự nguyện. Các doanh nghiệp, có quyền tự nguyện tham gia vào tập đoàn kinh tế mà mình lựa chọn, chịu sự tác động khách quan của thị trường và theo pháp luật của nhà nước.

+ Đa dạng hoá sở hữu: tập đoàn là một tổ hợp gồm nhiều công ty thuộc nhiều hình thức sở hữu: nhà nước, tập thể, tư nhân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước; đa dạng hoá sở hữu là các kênh thu hút vốn trong xã hội, là

con đường tất yếu đẩy nhanh tích tụ và tập trung vốn. Các tập đoàn còn đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác thông qua việc mua bán cổ phần, trái phiếu tạo nên sự đan xen sở hữu, phân tán rủi ro trong sản xuất, kinh doanh và cùng có trách nhiệm trong quản lý điều hành.

+ Đa dạng hoá ngành nghề, lĩnh vực và sản phẩm nhưng có ngành chủ đạo:

Đa dạng hoá sở hữu tạo điều kiện thuận lợi cho việc đa dạng hoá ngành nghề, khi đã nhiều ngành nghề thì đồng thời nhiều loại sản phẩm là tất yếu. Trong kinh tế thị trường, nhu cầu con người ngày càng đa dạng, nếu không nhanh chóng thay đổi để thích nghi với nhu cầu mới, đa dạng sẽ bị người tiêu dùng đào thải.

+ Thành lập tập đoàn phải gắn với hội nhập kinh tế quốc tế.

Đứng trước các sứ mạng của quốc gia trong bối cảnh hội nhập kinh tế càng sâu, rộng, các tập đoàn có vai trò rất lớn về nhiều mặt, trong đó nổi lên rõ nhất là năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Để nâng cao khả năng cạnh tranh và đạt hiệu quả kinh tế trong việc giao dịch, đầu tư kinh doanh, buôn bán với nước ngoài, những người lãnh đạo, điều hành tập đoàn phải nâng cao trình độ về nhiều mặt: thông hiểu luật lệ của đối tác, thông lệ quốc tế, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, chuyên môn, công nghệ, thông tin... nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO.

+ Việc thành lập, quản lý tập đoàn ở nước ta còn phải gắn với điều chỉnh công tác quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước. Nhờ hội nhập kinh tế quốc tế, thị trường các quốc gia sẽ thông thương, các doanh nghiệp trong các nước có nhu cầu về sản xuất kinh doanh, tiêu dùng tự do xuất, nhập khẩu miễn là có giá rẻ, chi phí thấp, chất lượng hàng hoá cao. Đặc biệt vị trí địa lý tự nhiên nước ta có cấu tạo chiều dài theo hướng Bắc - Nam. Chi phí vận chuyển 1 tấn hàng từ miền bắc vào miền nam cao gấp nhiều lần chi phí vận chuyển từ nước bạn trong khu vực (Cam-puchia, Lào, Thái-lan) vào miền nam: Vấn đề này đòi hỏi phải xem lại công tác quy hoạch đầu tư phát triển ngành, vùng. Đã đến lúc chúng ta không thể xây dựng nền kinh tế theo kiểu "khép kín", "độc lập tự chủ" theo tư duy cũ mà phải tính đến việc phát huy các lợi thế so sánh và khắc phục những hạn chế trong quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài. Do vậy, việc thành lập tập đoàn phải gắn với hội nhập kinh tế, với điều chỉnh quy hoạch trong nước, theo đó là cơ cấu lại nền kinh tế, sắp xếp lại các doanh nghiệp phù hợp quy hoạch ngành và vùng lãnh thổ.

+ Đẩy mạnh cổ phần hoá (CPH) các tổng công ty nhà nước, mở rộng thị trường chứng khoán, tạo tiền đề cho sự hình thành và hoạt động có hiệu quả các tập đoàn: Các tổng công ty nhà nước, các công ty thành viên,

kể cả công ty mẹ phải được CPH khi tiến hành xây dựng các tập đoàn. Tiến trình CPH phải gắn chặt với việc hình thành thị trường chứng khoán; đồng thời với CPH thì bầu ra các cấp quản lý như hội đồng quản trị, hội đồng điều hành, ban kiểm soát; kiện toàn bộ máy quản lý, sớm đưa hoạt động của tập đoàn và các công ty thành viên vào nền nếp.

+ Hình thành mô hình "công ty mẹ - công ty con" trong tập đoàn.

- Mô hình công ty mẹ - con thường gắn liền với mô hình tập đoàn kinh tế.

- Công ty mẹ thường là công ty tài chính, đóng vai trò trung tâm của cả tập đoàn thông qua hệ thống tài chính và sự chi phối về vốn. Công

ty mẹ sở hữu số lượng vốn cổ phần lớn trong các công ty "con", "cháu", có tư cách pháp nhân. Công ty mẹ thường là công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước hoặc Nhà nước sở hữu 100% vốn dưới hình thức công ty TNHH một thành viên, có quyền bỏ phiếu trong các công ty con, hoặc khả năng kiểm soát, khống chế, cử cán bộ tham gia các cấp lãnh đạo tại các công ty con, cháu. Ngoài ra, có thể có công ty mẹ chi phối các công ty thành viên trong tập đoàn về từng lĩnh vực như công nghệ, thị trường... Trong điều kiện của Việt Nam, do còn hạn chế của thị trường chứng khoán nên trước hết phải thành lập công ty tài chính làm công ty mẹ của tập đoàn. Công ty này điều hành các

công ty khác thông qua cơ chế tài chính.

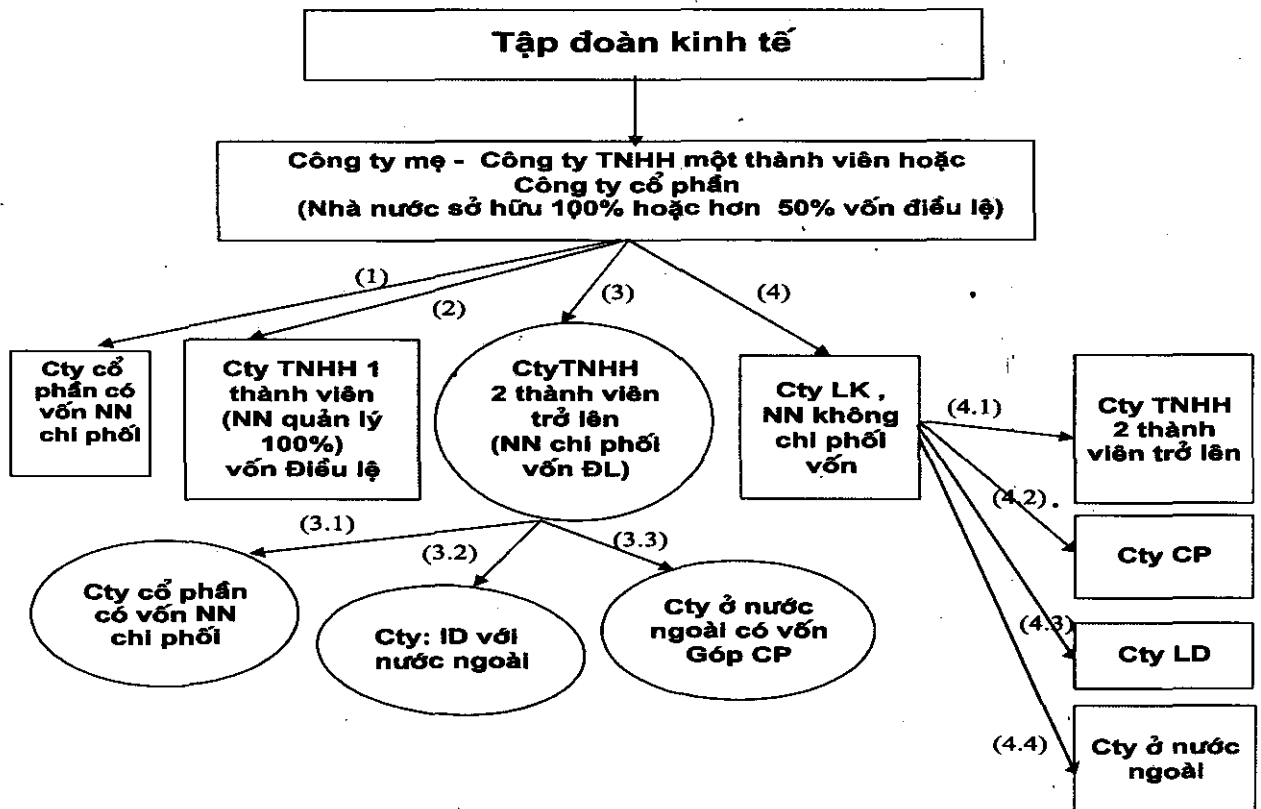
- Cũng có thể tổ chức tập đoàn không theo mô hình mẹ - con, các công ty thành viên có thể hạch toán độc lập hoặc hạch toán phụ thuộc, toàn tập đoàn có bộ máy điều hành chung và là một pháp nhân.

- Dù tập đoàn tổ chức theo mô hình nào cũng phải tuân thủ các nguyên tắc tổ chức quản lý tập đoàn như đã nêu ở phần trên.

- Những phương thức chủ yếu hình thành tập đoàn kinh tế.

- Xác định mô hình tổ chức tập đoàn kinh tế ở Việt Nam

a. Sơ đồ: cơ cấu tổ chức tập đoàn kinh tế theo mô hình công ty mẹ - công ty con.



b. Địa vị pháp lý của tập đoàn được xác định trên cơ sở Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty mẹ là công ty nhà nước. (Nội dung Điều lệ này có tính chất giới thiệu mẫu không phải nội dung bắt buộc tuân thủ, nhằm hỗ trợ cho các DN tự xây dựng điều lệ theo đặc thù của mình)

+ Công ty mẹ là công ty nhà nước dưới hình thức một công ty TNHH hoặc công ty CP, nhà nước sở hữu hơn 50% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005, có tư cách pháp nhân (có con dấu, tài khoản riêng, tài sản riêng, có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với vốn, thương hiệu, biểu tượng, theo quy định của pháp luật).

+ Quyền và nghĩa vụ của công ty mẹ: Ngoài các quyền ghi tại các điều trong Luật Doanh nghiệp 2005, còn có nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty mẹ đối với các công ty con về các vấn đề như: định hướng chiến lược kinh doanh, phối hợp giữa các công ty con hoặc hỗ trợ để tiêu thụ sản phẩm, thực hiện dịch vụ chung, hạn chế tình trạng đầu tư và kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ.

+ Chủ sở hữu của công ty mẹ: quy định cụ thể theo nhóm vấn đề gồm: những vấn đề chủ sở hữu: tự quyết định, trên cơ sở đề nghị của hội đồng quản trị (HĐQT), uỷ quyền và phân cấp cho HĐQT hoặc tổng giám đốc, trình chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp quyết định.

+ Tổ chức quản lý và điều hành của công ty mẹ. Cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành

công ty mẹ bao gồm; Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban kiểm soát, tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ đã được Nhà nước quy định chung, các doanh nghiệp cần được cụ thể hoá theo từng lĩnh vực chuyên ngành.

+ Nguyên tắc xác định nội dung mối quan hệ của công ty mẹ với đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con và công ty liên kết. Các căn cứ: xác định nội dung quan hệ: quyền và nghĩa vụ công ty mẹ; quyền, nghĩa vụ và địa vị pháp lý của từng loại công ty con theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư mới ban hành năm 2005, và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan; quyền và nghĩa vụ của các chức danh đại diện cho công ty mẹ được cử hoặc bầu vào các chức danh quản lý, điều hành tại các công ty con; Căn cứ tỷ lệ (%) góp vốn chi phối, hoặc không chi phối của công ty mẹ.

+ Theo mô hình tổ chức này thì tổ hợp công ty mẹ và các công ty con, tức là tập đoàn, không có tư cách pháp nhân, nhưng xét tách riêng thì công ty mẹ, công ty con đều có tư cách pháp nhân. Quan hệ giữa công ty mẹ và các công ty con là bình đẳng như giữa các pháp nhân kinh tế với nhau. Mọi quan hệ mua - bán, thuê - cho thuê, vay - cho vay, điều chuyển tài sản giữa công ty mẹ với công ty con phải được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và phải được thanh toán như những quan hệ kinh tế với pháp nhân khác.

Dựa vào các quy định hướng dẫn cơ bản trên, các

đơn vị tự xây dựng điều lệ của mình cho thích hợp.

c. Nội dung cơ bản cơ chế quản lý tài chính trong tập đoàn (theo sơ đồ)

+ Công ty mẹ là công ty nhà nước, có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác, hoặc chỉ thực hiện đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác đó.

+ Các công ty con bao gồm: Công ty CP (1): công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước 1 thành viên do công ty mẹ **nắm giữ toàn bộ** hoặc CP chi phối vốn điều lệ (2): công ty có vốn góp **chi phối** của công ty mẹ như công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, (3): công ty CP, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

+ Các công ty do công ty mẹ góp vốn nhưng **không chi phối** (còn gọi là công ty liên kết) (4): được tổ chức dưới các dạng công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty CP, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

Công ty mẹ, tất cả các công ty con và công ty liên kết trên đây đều được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005, điều lệ công ty và các luật khác có liên quan của Nhà nước Việt Nam.

+ Nhà nước là chủ sở hữu toàn bộ hoặc hơn 50% vốn điều lệ và đầu tư vào công ty mẹ. Công ty mẹ quyết định và đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết. Tài sản của công ty mẹ được hình thành từ vốn nhà nước tại công ty mẹ,

vốn vay và nguồn vốn hợp pháp khác do công ty mẹ trực tiếp quản lý và sử dụng. Tài sản của công ty con được hình thành từ vốn công ty mẹ đầu tư, vốn vay và nguồn vốn hợp pháp khác do công ty con quản lý và sử dụng.

+ Khác với các mô hình tổng công ty trước đây được hình thành theo kiểu liên kết hành chính, mô hình công ty mẹ - con được thực hiện theo hình thức **đầu tư, góp vốn, công nghệ, thương hiệu... của công ty mẹ vào công ty con**, trách nhiệm quản lý sử dụng vốn và tài sản của công ty mẹ và các công ty con cũng được phân biệt rõ ràng hơn, tạo điều kiện nâng cao tính làm chủ, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

- Về chính sách.

+ Chính phủ cần sớm cụ thể hoá bằng các văn bản

pháp quy hướng dẫn thực hiện các luật mới ban hành từ năm 2005 lại đây, trước hết là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại...

+ Các bộ, ngành, Ban Đối mới và Phát triển Doanh nghiệp ở Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành các Thông tư hướng dẫn, xây dựng các đề án của ngành, địa phương về xây dựng và quản lý các tập đoàn để trình Chính phủ và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện sau khi có quyết định.

+ Nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực để quản lý các tập đoàn.

- Về tổ chức thực hiện

+ Xúc tiến CPH theo Chương trình tổng thể của Chính phủ về sắp xếp và đổi mới DNNN trong giai đoạn 2007-2010: trong bốn năm tới

phải CPH 438 trong tổng số 585 doanh nghiệp thành viên của các tập đoàn, tổng công ty NN hiện tại, số còn lại là nông trường và doanh nghiệp an ninh quốc phòng nếu chưa CPH kịp phải chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tiếp đến là CPH các tổng công ty - công ty mẹ.

+ Tổng kết toàn diện 52 doanh nghiệp do Chính phủ cho phép làm thử mô hình công ty mẹ - con.

+ Thu hút rộng rãi các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong và ngoài nước tham gia các tập đoàn để vừa học tập, hợp tác, vừa cạnh tranh trên cùng một sân chơi bình đẳng. Trong tiến trình này không chạy đua theo thành tích, gượng ép, không vì hình thức bề ngoài, doanh nghiệp nào có đủ điều kiện thì thực hiện. ■

HỘI THẢO "LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN XÁC LẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC"

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, triển khai đề tài độc lập cấp nhà nước, ngày 4/1/2007 tại Thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) và ngày 8/1/2007 tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ phối hợp với Viện Konrad Adenauer (KAS) tổ chức hội thảo "Lý luận và thực tiễn xác lập đơn vị hành chính các cấp đáp ứng yêu cầu ổn định và phát triển đất nước".

Tham dự hội thảo có nhiều nhà khoa học, nhà quản lý ở các bộ ngành trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các hội và đại diện lãnh đạo HĐND, UBND, Sở Nội vụ 20 tỉnh thành phía Bắc và phía Nam: Đồng chí Đặng Quốc Tiên, Thủ trưởng Bộ Nội vụ và là Chủ nhiệm đề tài độc lập cấp nhà nước chủ trì hội thảo.

Các tham luận và ý kiến phát biểu tập trung làm rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn tổ chức đơn vị hành chính, xác lập đơn vị hành chính của Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới, kinh nghiệm lịch sử về tổ chức đơn vị hành chính của Việt Nam qua các thời kỳ; thực trạng việc tổ chức đơn vị hành chính hiện nay và những quan điểm, nguyên tắc chỉ phối việc xác lập đơn vị hành chính.

Kết quả thu được từ hội thảo sẽ là những tư liệu quan trọng giúp cho việc triển khai đề tài độc lập cấp nhà nước đạt chất lượng cao.

LÊ ANH TUẤN